

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày: 14 - 09 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi
2. Bà Nguyễn Thị Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh năm 1969; tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công an đã nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1940 (chết) và bà Bùi Thị L, sinh năm 1950; bị cáo có 10 anh chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1989; có vợ tên Nguyễn Thị Sầm, sinh năm 1982 (đã ly hôn); có 03 người con gồm Nguyễn Quốc T, sinh năm 2001, Nguyễn Thanh S, sinh năm 2007, Nguyễn Thanh P, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1976. Ngụ tại: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1980. Ngụ tại: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Hoài A sinh năm 1987; ngụ tại: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P và chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1976, cư trú tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương có mối quan hệ quen biết từ năm 2003. Từ năm 2012 đến năm 2017, Nguyễn Văn P nhiều lần mượn tiền của bà T, mỗi lần từ vài triệu đến vài chục triệu đồng. Tổng cộng P mượn của bà T 1.167.000.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu).

Trong thời gian quen biết, ngày 15/11/2015 bà T mua trả góp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 màu xanh đen, số khung 0610FY 150777, số máy GD4E 163375 tại cửa hàng Quang Hồng Phát thuộc khu phố 3, thị trấn D với số tiền 48.000.000 đồng, bà T trả trước 18.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng bà T trả góp trong thời hạn 24 tháng (đã trả xong). Bà T là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau khi mua xe bà T cho Nguyễn Văn P mượn xe và giấy đăng ký xe làm phương tiện đi lại. Đến năm 2017, bà T mới biết Nguyễn Văn P đã tự ý làm thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu xe này sang tên P nên làm đơn tố cáo hành vi của P về hành vi chiếm đoạt xe mô tô nói trên và số tiền 1.167.000.000 đồng.

Trong thời gian Nguyễn Văn P làm trưởng Công an xã M, do muốn chiếm đoạt chiếc xe mô tô nói trên. Ngày 11/01/2016, P nhờ bà Lê Thị Hoài Ân, sinh năm 1987 là công an viên thường trực xã M (cấp dưới của P) viết giấy bán cho tặng xe và ký tên, ghi họ tên người bán là Lê Thị Ngọc T vào giấy bán xe đưa cho P. P ký và ghi họ tên người mua xe. P đưa hồ sơ cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 là cán bộ công chức tư pháp xã M làm thủ tục trình Chủ tịch UBND xã M ký chứng thực giấy mua, bán xe. Sau đó, Nguyễn Văn P đem hồ sơ đến Đội cảnh sát giao thông công an huyện D làm thủ tục sang tên qua Nguyễn Văn P.

Tại bản kết luận giám định số 142/GĐ-PC09 ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Chữ viết họ tên “Lê Thị Ngọc T” và chữ ký viết tên “T” trên giấy bán, cho, tặng xe đề ngày 11/01/2016 so với chữ viết, chữ ký của Lê Thị Ngọc T trên các tài liệu mẫu không phải do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết họ tên “Lê Thị Ngọc T” và chữ ký viết tên “T” trên giấy bán, cho, tặng xe đề ngày 11/01/2016 (tài liệu cần giám định) so với chữ viết, họ tên “Lê Thị Ngọc T”, chữ ký viết tên “T” của Lê Thị Hoài A trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Văn P” dưới mục “Người mua, được cho, tặng” “chủ xe” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn P trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 654/KL-HĐĐGTS ngày 02/3/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự thuộc UBND tỉnh Bình Dương kết luận chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 trị giá 32.067.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 53/CT- VKSDT- HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm i, s, v Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Ngọc T đã thỏa thuận giải quyết xong việc vay mượn số tiền 1.167.000.000 đồng. Bà T không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin rút tố cáo đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại cho bà Lê Thị Ngọc T nên không đặt ra xem xét.

Đối với hành vi của Lê Thị Hoài A và Nguyễn Văn T do nỗ lực nên giúp Nguyễn Văn P làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 từ bà T sang tên P không đúng quy định nhưng bà A và ông T không hưởng lợi ích gì từ vụ việc trên nên hành vi không cấu thành tội phạm. Chính quyền xã M đã kiểm điểm trách nhiệm bà A và ông T theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Thống nhất về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời khai trong quá trình điều tra bị hại Lê Thị Ngọc T thể hiện: Ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Ngọc T có mối quan hệ quen biết. Từ năm 2012 đến năm 2017, bà T đã cho ông P mượn số tiền 1.167.000.000 đồng và cho mượn một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 do bà T đứng tên

Giấy chứng nhận quyền sở hữu. Đối với số tiền 1.167.000.000 đồng, hai bên đã thỏa thuận xong việc thanh toán. Đối với chiếc xe bà T không biết việc ông P đã tự ý làm giả giấy tờ để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu xe sang tên ông P. Ngày 04/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 cho bà T. Hiện tại, bị hại T không có yêu cầu bồi thường gì thêm, có đơn xin rút tố cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra thể hiện: Do quen biết, nể nang nên ông T đã giúp Nguyễn Văn P chứng thực hồ sơ làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 từ bà T sang tên ông P không đúng quy định nhưng ông T không hưởng lợi ích gì từ vụ việc trên.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hoài A trong quá trình điều tra thể hiện: Do là cấp dưới, nể nang nên bà A đã giúp Nguyễn Văn P giả chữ ký của bà T để làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 từ bà T sang tên ông P không đúng quy định nhưng bà A không hưởng lợi ích gì từ vụ việc trên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/11/2015, Nguyễn Văn P được bà Lê Thị Ngọc T cho mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 màu xanh đen, số khung 0610FY 150777, số máy GD4E 163375 trị giá 32.067.000 đồng làm phương tiện đi lại. Ngày 11/01/2016, tại UBND xã M, huyện D, không có sự đồng ý của bà T nhưng Nguyễn Văn P tự ý nhờ người khác giả chữ ký của bà T làm thủ tục sang tên chuyển quyền sở hữu xe mô tô nói trên từ bà T sang cho bị cáo.

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Như vậy, bản Cáo trạng số 53/CT- VKSDT- HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Các căn cứ quyết định hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ lỗi: Bị cáo là đảng viên (hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 18-QĐ/UBKTHU ngày 13/8/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy D), từng công tác trong ngành công an nhưng đã có hành vi mượn xe của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối nhờ cấp dưới giả mạo chữ ký của bị hại để làm thủ tục sang tên chuyển quyền xe mô tô nhằm chiếm đoạt là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Về nhân thân: Trước thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; có cha là ông Nguyễn Văn Mông là người có công với nhà nước được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại Điểm i, s, v Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ các căn cứ quyết định hình phạt như trên cũng như yêu cầu của việc đấu tranh, phòng chống tội phạm về xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được Nhà nước bảo vệ, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt và xử phạt mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết nên cần áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xét thấy bị cáo hiện nay đã nghỉ hưu, không còn đảm nhiệm chức vụ (theo Quyết định số 152/QĐ-CAT-PX01 ngày 28/02/2020 về việc nghỉ công tác chờ hưởng chế độ hưu trí của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương và Quyết định số 7528/QĐ-BHXXH ngày 22/9/2020 về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của Bảo hiểm xã hội CAND Bộ Công an), bị cáo bị bệnh thận mãn tính phải chạy thận nhân tạo nên Hội đồng xét xử cho miễn việc khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 04/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 màu xanh đen cho bà T. Việc trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với hành vi của Lê Thị Hoài A và Nguyễn Văn T do nể nang nên giúp Nguyễn Văn P làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 61H1-287.18 từ bà T sang tên P không đúng quy định nhưng bà A và ông T không hưởng lợi ích gì từ vụ việc trên nên hành vi không cấu thành tội phạm, chính quyền xã M đã kiểm điểm trách nhiệm bà A và ông T theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử lý.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, hình phạt, mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a Khoản 1 Điều 140, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Điểm i, s, v Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điểm b Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nhận được Quyết định thi hành án và Bản án của Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn D trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2021).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện D;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng

